

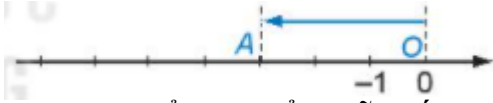
1. MÔN TOÁN 6 – TUẦN 9

TIẾT 28+ 29+ 30 - §14: PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ SỐ NGUYÊN

1. Cộng hai số nguyên cùng dấu

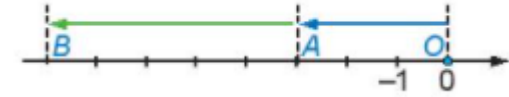
Cộng hai số nguyên âm

+ HD1: Điểm A biểu diễn số -3



+ HD2: Điểm B biểu diễn số -8

$$\Rightarrow (-3) + (-5) = -8$$



*** Quy tắc cộng hai số nguyên âm:**

Muốn cộng hai số nguyên âm, ta cộng phần số tự nhiên của chúng với nhau rồi đặt dấu “-“ trước kết quả.

Luyện tập 1:

$$(-12) + (-48) = - (12 + 48) = -60$$

$$(-236) + (-1\ 025) = - 1261$$

Bài 3.9:

a) $(-7) + (-2) = -(7+2) = -9$

b) $(-8) + (-5) = - (8+5) = - 13$

c) $(-11) + (-7) = - (11+7) = -18$

d) $(-6) + (-15) = - (6 + 15) = -21$

2. Cộng hai số nguyên khác dấu

*** Hai số đối nhau**

Muốn tìm số đối của một số, ta chỉ việc đổi dấu của nó.

?

Số đối của -4 là 4

Số đối của -5 là 5

Số đối của 9 là -9

Số đối của -11 là 11

Chú ý:

1. Ta quy ước số đối của 0 là chính nó.

2. Tổng của hai số đối luôn bằng 0

3. Số đối của số nguyên a là -a. Số đối của -a là - (-a) = a

*** Tổng của hai số nguyên khác dấu:**

Quy tắc cộng hai số nguyên khác dấu:

1. Hai số nguyên đối nhau thì có tổng bằng 0.

2. Muốn cộng hai số nguyên khác dấu (không đối nhau), ta tìm hiệu hai phần số tự nhiên của chúng (số lớn trừ số nhỏ) rồi đặt trước hiệu tìm được dấu của số có phần số tự nhiên lớn hơn.

Luyện tập 3:

a) $203 + (-195) = 203 - 195 = 8$

b) $(-137) + 86 = - (137 - 86) = -51$

2. Tính chất của phép cộng

*** Tính chất:**

+ *Giao hoán:* $a + b = b + a$

+ *Kết hợp:* $(a + b) + c = a + (b + c)$

Chú ý:

- $a + 0 = 0 + a = a$
- Ta nói đến tổng của nhiều số nguyên tương tự như số tự nhiên.

Luyện tập 4:

- $(-2019) + (-550) + (-451) = [(-2019) + (-451)] + (-550) = -2470 + (-550) = -3020$
- $(-2) + 5 + (-6) + 9 = 3 + 3 = 6$

4. Trừ hai số nguyên

Quy tắc trừ hai số nguyên

Muốn trừ số nguyên a cho số nguyên b , ta cộng a với số đối của b :

$$a - b = a + (-b).$$

Luyện tập 5:

- $5 - (-3) = 5 + 3 = 8$
- $(-7) - 8 = -15$

Vận dụng 3:

Nhiệt độ bên ngoài của máy bay ở độ cao 10 000m và khi hạ cánh chênh lệch nhau:


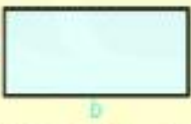
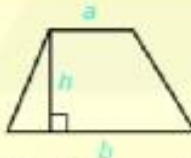
$$27 - (-48) = 75 \text{ (}^\circ\text{C)}$$

HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:

- Giải các BT còn lại SGK

TIẾT 46 -§20: CHU VI VÀ DIỆN TÍCH CỦA MỘT SỐ TỨ GIÁC ĐÃ HỌC

1.1. Chu vi, diện tích của hình vuông, hình chữ nhật, hình thang cân:

		
<i>Hình vuông</i>	<i>Hình chữ nhật</i>	<i>Hình thang cân</i>
$S = a^2$	$S = ab$	$S = \frac{1}{2}(a + b)h$
$C = 4a$	$C = 2(a + b)$	

(Kí hiệu C là chu vi, S là diện tích của hình)

Ví dụ 1:

Chu vi của biển quảng cáo hình chữ nhật là:

$$2 \cdot (5 + 10) = 2 \cdot 15 = 30 \text{ (m)}$$

Vậy siêu thị cần chi số tiền mua đèn là:

$$40\,000 \cdot 30 = 1\,200\,000 \text{ (đồng)}$$

Ví dụ 2:

Diện tích nền của căn phòng hình chữ nhật là: $8 \cdot 6 = 48 \text{ (m}^2\text{)}$

Diện tích của một viên gạch hình vuông cạnh 40cm là: $40^2 = 1\,600 \text{ (cm}^2\text{)} = 0,16 \text{ (m}^2\text{)}$

Số viên gạch bác Khôi cần dùng là: $48 : 0,16 = 300 \text{ (viên)}$

Luyện tập 1:

1. Chu vi của khung thép đó là:

$$2 \cdot (35 + 30) = 130 \text{ (cm)} = 1,3\text{m.}$$

Vậy số khung thép làm được từ 260m dây thép là:

$$260 : 1,3 = 200 \text{ (khung)}$$

2. Chu vi mặt bàn là:

$$600 + 1200 + 600 \cdot 2 = 3000 \text{ (mm)} = 3\text{m.}$$

Chiều dài 4 chân bàn là:

$$730.4 = 2920 \text{ (mm)} = 2,92 \text{ m.}$$

Vậy để làm một chiếc khung bàn cần lượng thép:

$$3 + 2,92 = 5,92 \text{ (m)}$$

3. Diện tích thừa ruộng hình thang là:

$$(30 + 50) \cdot 10 = 400 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích thừa ruộng hình chữ nhật là:

$$50 \cdot 15 = 750 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích thừa ruộng đó là:

$$400 + 750 = 1150 \text{ (m}^2\text{)}$$

Vậy số thóc thu hoạch được là:

$$1150 \cdot 0.8 = 920 \text{ (kg)}$$

Thử thách nhỏ:

Độ dài phần hình thang cân là:

$$(15 + 25 + 7.2) = 54 \text{ (cm)}$$

Phần còn lại làm móc treo có độ dài là:

$$60 - 54 = 6 \text{ (cm)}$$

Hướng dẫn về nhà:

- Xem lại các BT đã giải

2. MÔN NGỮ VĂN 6 – TUẦN 9 **VĂN BẢN 2. GIÓ LẠNH ĐẦU MÙA** (Thạch Lam)

I. Đọc văn bản và tìm hiểu chung

1. Đọc

2. Chú thích

3. Tác giả, tác phẩm

a. Tác giả: (SGK)

b. Tác phẩm(SGK)

II. Khám phá văn bản

1. Người kể chuyện, ngôi kể

- Người kể chuyện: ngôi thứ ba;
- Phương thức biểu đạt: tự sự kết hợp miêu tả;
- Thể loại: truyện ngắn;

2. Thái độ của chị em Sơn đối với những bạn nhỏ nghèo khổ

- Cuộc sống của chị em Sơn
 - + Gia đình có vú già;
 - + Cách xưng hô: mẹ Sơn gọi con gái là “cô Duyên”, Sơn gọi mẹ “mợ”
 - + Những người nghèo khổ mà Sơn quen biết vẫn vào vay mượn ở nhà Sơn;
 - + Có nhiều quần áo đẹp, mới, lành lặn, ấm áp
- Cuộc sống sung túc, giàu có của gia đình trung lưu
- Cuộc sống của những đứa trẻ nghèo
 - + Mặc không khác ngày thường, vẫn những bộ quần áo màu nâu bạc đã vá nhiều chỗ;
 - + Mồ tím lại, qua những chỗ áo rách, da thịt thâm đi;
 - + Mỗi cơn gió đến, run lên, hàm răng đập vào nhau
 - + Co ro đứng bên cột quán, chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay

→ Cuộc sống nghèo khổ, thiếu thốn

- Thái độ đối với những bạn nhỏ nghèo khổ

+ Sơn và chị vẫn thân mật chơi đùa với, chứ không kiêu kỳ và khinh khỉnh như các em họ của Sơn

+ Khi thấy Hiên đứng nép một chỗ không ra chơi cùng, Sơn gọi ra chơi và hỏi “Áo lành đâu không mặc?”; “Sao không bảo u may may cho?”

→ Chị em Sơn là những đứa trẻ nhân hậu, thương người, không phân biệt địa vị, giai cấp, giàu nghèo

2. Ý nghĩa, cảm xúc của nhân vật Sơn

*** Ý nghĩa**

- Khi nghe mẹ và vú già trò chuyện

+ *Sơn nhớ em, cảm động và thương em quá;*

+ *Sơn thấy mẹ hơi rơm rớm nước mắt.*

- Khi Sơn nhớ ra cuộc sống nghèo khổ của mẹ con Hiên

+ *Sơn thấy động lòng thương cũng như ban sáng đã nhớ thương đến em Duyên;*

+ *một ý nghĩ tốt bỗng thoáng qua trong tâm trí.*

→ Sơn là cậu bé sống tình cảm, giàu lòng trắc ẩn, biết quan tâm và yêu thương người thân, bạn bè

*** Cảm xúc**

- Sơn thấy “ấm áp, vui vui” → Sự chia sẻ, giúp đỡ người khác trước hết sẽ mang đến niềm vui, hạnh phúc cho chính người “cho”

3. Hành động của nhân vật Sơn

- Sơn sợ mẹ mắng vì đã tự ý cho Hiên chiếc áo bông cũ

- Hành động đó không làm em giảm bớt thiện cảm với nhân vật Sơn vì nhà văn đã miêu tả đúng với đặc điểm của một em nhỏ ngây thơ là sợ bị mẹ mắng và có lẽ lúc đó em mới hiểu mẹ rất quý chiếc áo bông ấy;

→ Lối miêu tả chân thực, tự nhiên của Thạch Lam khi khắc họa nhân vật trẻ em.

4. Cách ứng xử của hai người mẹ

a. Mẹ của Hiên

- Người mẹ nghèo khổ, chỉ có nghề đi mò cua bắt ốc → không đủ tiền để may áo cho con

- Cách ứng xử

+ Hành động: Khi biết con được nhận áo từ chị em Sơn, người mẹ đã mang đến trả

+ Lời nói: “Tôi biết cậu ở đây đùa, nên tôi phải vội vàng đem lại đây trả mẹ”

+ Xung hô: “tôi”- “cậu”- “mợ”, “bẩm”, “nhà cháu”

→ Là người mẹ nghèo nhưng khéo léo, có lòng tự trọng, dạy con phải biết “đói cho sạch, rách cho thơm”, và biết tôn trọng người khác

b. Mẹ của Sơn

- Là người phụ nữ giàu có, thuộc tầng lớp trung lưu

- Cách cư xử

+ Với mẹ con Hiên: Không hề chửi bới, trách móc mà hỏi han hoàn cảnh; cho vay 5 đồng để mẹ Hiên may áo cho con (có lẽ chiếc áo là kỉ vật thiêng liêng, gắn liền với đứa con đã mất nên chị không muốn cho chiếc áo này)

→ Cách cư xử nhân hậu, tế nhị của một người mẹ có điều kiện sống khá giả hơn.

+ Với các con: Nhắc nhở các con không nên tự tiện lấy áo đem cho người khác mà phải xin phép mẹ, nhưng mẹ vui vì các con biết chia sẻ, giúp đỡ người khác...

→ Cách cư xử vừa nghiêm khắc, vừa yêu thương

→ Đó là cách cư xử đẹp của hai bà mẹ thuộc hai giai cấp khác nhau nhưng đều mang

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 6 - TUẦN 9

đây giá trị đạo đức. Cách ứng xử đẹp ấy chính nhờ vào tấm lòng của những em bé.

5. Cảm nhận của nhân vật Sơn về những đổi thay của đất trời khi mùa đông đến

- Sự thay đổi của đất trời:

+ Mới hôm qua còn giờ hã còn nắng và hanh, sau một đêm mưa, trời bỗng nổi gió bắc, cái lạnh đầu mùa ập đến

+ Nhìn ra ngoài sân, Sơn thấy đất khô trắng, luôn luôn cơn gió vi vu làm bốc lên những màn bụi nhỏ, thổi lẩn những cái lá khô lạo xạo

+ Trời không u ám, toàn một màu trắng đục

+ Những cây lan trong chậu, lá rụng động, và hình như sắt lại vì rét.

+ Gió thổi mạnh làm Sơn thấy lạnh, và cay mắt. Nhưng chân trời trong hơn mọi hôm

+ Mặt đất rắn lại và nứt nẻ những đường nho nhỏ, kêu vang lên tanh tách dưới nhịp guốc của hai chị em...

- Ý nghĩa của những chi tiết miêu tả về thiên nhiên:

+ Thạch Lam đã nắm bắt, tái hiện được sự đổi thay của thời tiết, cảnh vật lúc giao mùa

+ Thể hiện được tâm hồn tinh tế, nhạy cảm của nhân vật Sơn

7. So sánh nhân vật Hiên và cô bé bán diêm

- Giống:

+ Đều là những cô bé có hoàn cảnh đáng thương, tội nghiệp, nghèo khổ, không được hưởng cuộc sống “cơm đủ ăn, áo đủ mặc”

+ Dáng vẻ bên ngoài: đều rách rưới, thiếu thốn+ Đều được miêu tả ở thời điểm mùa đông lạnh giá

- Khác:

Tiêu chí	Hiên	Cô bé bán diêm
Tên	Có tên	Không tên
Cách đối xử của người thân và mọi người xung quanh	- Hiên nhận được tình thương của mọi người: mẹ, bạn bè, v.v...	Cô bé bán diêm có cuộc sống bất hạnh không nhận được tình yêu thương: bị bố đánh đập, mắng chửi, bị người qua lại lãnh đạm, thờ ơ
Công việc	Còn tuổi ăn, tuổi chơi, chưa phải mưu sinh vất vả	Phải mưu sinh bằng nghề bán diêm và trông chờ vào sự bố thí của người khác
Kết thúc	Cái kết có hậu, Hiên có áo ấm	Cái kết vừa có hậu vừa mang tính bi kịch, cô bé bán diêm đã chết

*Viết kết nối với đọc (SGK- T 74): Các em tự viết vào vở

*Dặn dò: Về nhà làm bài, học bài cũ

Chuẩn bị bài mới: Thực hành Tiếng Việt

Tiết chủ đề:7

Tiết PPCT: 35

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. Cụm động từ và cụm tính từ

1. Cụm động từ

- Cụm động từ gồm ba phần:

+ Phần trung tâm ở giữa: động từ

+ Phần phụ trước: thường bổ sung cho động từ ý nghĩa về thời gian, khẳng định/phủ định, tiếp diễn

+ Phần phụ sau: thường bổ sung cho động từ những ý nghĩa về đối tượng, địa điểm, thời gian.

2. Cụm tính từ

- Cụm tính từ gồm ba phần:

+ Phần trung tâm ở giữa: tính từ

+ Phần phụ trước: thường bổ sung cho tính từ những ý nghĩa về mức độ, thời gian, sự tiếp diễn,...

+ Phần phụ sau: thường bổ sung cho tính từ những ý nghĩa về phạm vi, mức độ,...

II. Bài tập: Gợi ý

1. Bài tập 1 SGK trang 74

- Tìm một cụm động từ trong VB *Gió lạnh đầu mùa*.

Ví dụ: (1) *chơi cò gà ở ngoài cánh đồng*;

- Xác định động từ trung tâm: động từ *chơi*; *chạy*; *vẫy*

- Từ động từ trung tâm, tạo ra ba cụm động từ khác:

+ *đang chơi ở ngoài sân*;

+ *đang chơi kéo cò*;

+ *chơi trốn tìm*.

2. Bài tập 2 SGK trang 74

Tìm thêm trong VB *Gió lạnh đầu mùa* hai câu văn có vị ngữ là một chuỗi cụm động từ và cho biết tác dụng của cách diễn đạt đó. Ví dụ:

(1) *Chị Sơn và mẹ Sơn đã trở dậy, đang ngồi quạt hỏa lò để pha nước chè uống.*

(2) *Mẹ Sơn lật cái vỉ buồm, lục đống quần áo rét.*

(3) *Sơn lo quá, sắp ăn, bỏ đĩa đứng dậy, van.*

→ Tác dụng: Kiểu câu có vị ngữ là một chuỗi cụm động từ thường thông báo một chuỗi hoạt động kế tiếp nhau (câu 1, 2) hoặc nguyên nhân – kết quả (câu 3: trạng thái *lo quá* ở nhân vật Sơn dẫn đến kết quả *sắp ăn, bỏ đĩa đứng dậy, van*).

4. Bài tập 4 SGK trang 74

- Tìm một cụm tính từ trong truyện *Gió lạnh đầu mùa*:

(1) *đã cũ*; (2) *rách tả tơi*; (3) *không kiên kì*

- Xác định tính từ trung tâm: *cũ*, *rách*, *kiêu kì*

- Tạo ra ba cụm tính từ khác từ tính từ trung tâm:

(1) + *chưa cũ*; + *cũ lắm*; + *rất cũ*.

6. Bài tập 6 SGK trang 75

Mở rộng vị ngữ thành cụm tính từ:

a. *Gió rét* → *Gió rét tê tái*; *Gió không rét mấy*.

b. *Tòa nhà cao* → *Tòa nhà cao chót vót*; *Tòa nhà không cao cho lắm*; *Tòa nhà quá cao*; *Tòa nhà còn cao hơn nữa*.

c. *Cô ấy đẹp* → *Cô ấy đẹp nhất đêm nay*; *Cô ấy rất đẹp*

***Dặn dò: Về nhà làm bài, học bài cũ'**

Chuẩn bị bài mới: Con chào mào

Tiết chủ đề: 8

Tiết PPCT: 36 VĂN BẢN 2. CON CHÀO MÀO

(Mai Văn Phan)

I. Đọc văn bản, tìm hiểu chung

1. Đọc

2. Chú thích

3. Tác giả, tác phẩm (SGK)

II. Khám phá văn bản

1. Hình ảnh và tiếng hót của con chào mào

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 6 - TUẦN 9

- Màu sắc: đốm trắng mũ đỏ → tươi tắn
 - Tiếng hót: triu... uýt... huýt... tu hìu... → Tiếng hót dài, trong trẻo;
 - “Cây cao chót vót” → Khung cảnh thiên nhiên thoáng đãng, bình yên.
- Vừa gợi ra vẻ đẹp của chú chim chào mào, vừa gợi ra vẻ đẹp của thiên nhiên

2. Ý nghĩa, cảm xúc của nhân vật “tôi” về con chim chào mào

- Khi “*vội vẽ chiếc lồng trong ý nghĩ*”, nhân vật “tôi” đã muốn “*giam cầm*” con chim chào mào – muốn “*độc chiếm*” cái đẹp của thiên nhiên.
- Khi “*hối hả đuổi theo*”, nhân vật “tôi” mang theo cả không gian đầy nắng, gió, cây xanh mong nín giữ con chim chào mào và tiếng hót.
- Nhưng khi không còn thấy tăm tích, nhân vật “tôi” đã hình dung con chim chào mào đang mổ những “*con sâu, trái cây chín đỏ, giọt nước thanh sạch của tôi*” – những món quà “*chúc lỗi*” khi con người hiểu rằng, con chim chào mào mình yêu quý sẽ chỉ hạnh phúc trong cuộc sống tự do, tự nhiên giữa thiên nhiên...

3. Những thay đổi trong suy nghĩ của nhân vật tôi

- Sự khẳng định của nhân vật “tôi” ở hai dòng thơ cuối thể hiện những đổi thay trong ý nghĩ, cảm xúc; trong tình yêu dành cho thiên nhiên. Chẳng cần con chim chào mào lại bay về, tiếng hót du dương vẫn vang lên trong tâm trí. Bởi vì, nhân vật “tôi” đã biết ứng xử với thiên nhiên bằng sự tôn trọng và tình yêu chứ không phải bằng mong muốn “độc chiếm” hẹp hòi, ích kỉ. Tình yêu thương ấy khiến cho tâm hồn con người rộng mở, phong phú, tràn đầy niềm vui và sức sống.

4. Nghệ thuật

- Dòng thơ được lặp lại trong bài thơ là: “*triu...uýt...huýt...tu hìu...*” (2 lần)
→ *Điệp ngữ*: Nhấn mạnh âm thanh của tiếng chim chào mào hót. Tiếng chim ấy không chỉ vang lên từ trên cành cây cao chót vót mà còn vang lên ngay trong chính tâm hồn nhà thơ.

***Dặn dò: Về nhà làm bài, học bài cũ**

Chuẩn bị bài mới: Viết bài văn kể lại một trải nghiệm

3. MÔN ANH 6 – TUẦN 9

Week 9: Unit 4 (Getting started, A closer look 1, A closer look 2)

Period 25,26,27

UNIT 4: MY NEIGHBOURHOOD

*** VOCABULARY**

- | | |
|---|---|
| - statue /'stætʃ-u/ (n) | : tượng |
| - square /skweər/ (n) | : quảng trường |
| - railway station /'reɪl.weɪ ,steɪ.ʃən/ (n) | : nhà ga |
| - cathedral /kə'thi·drəl/ (n) | : nhà thờ |
| - memorial /mə'mɔ:r.i.əl/ (n) | : đài tưởng niệm |
| - left /left/ (n, a) | : trái |
| - right /raɪt/ (n, a) | : phải |
| - straight /streɪt/ (n, a) | : thẳng |
| - narrow /'ner.əʊ/ (a) | : hẹp |
| - noisy /'nɔɪ.zi/ (a) | : ồn ào |
| - crowded /'kraʊ.dɪd/ (a) | : đông đúc |
| - quiet /'kwaɪ.ɪt/ (a) | : yên tĩnh |
| - art gallery /'ɑ:t ,gæl.ər.i/ (n) | : phòng trưng bày các tác phẩm nghệ thuật |
| - backyard / ,bæk'jɑ:rd/ (n) | : sân phía sau nhà |
| - cathedral /kə'thi·drəl/ (n) | : nhà thờ lớn, thánh đường |

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 6 - TUẦN 9

- convenient /kən'vin·jənt/ (adj)	: thuận tiện, thuận lợi
- dislike /dis'laɪk/ (v)	: không thích, không ưa, ghét
- exciting /ɪk'saɪ.tɪŋ/ (adj)	: thú vị, lý thú, hứng thú
- fantastic /fæn'tæs.tɪk/ (adj)	: tuyệt vời
- historic /hɪ'stɔrɪk/ (adj)	: cổ, cổ kính
- inconvenient /,ɪn·kən'vin·jənt/ (adj)	: bất tiện, phiền phức
- incredibly /ɪn'kred·ə·bli/ (adv)	: đáng kinh ngạc, đến nỗi không ngờ
- modern /'mɒd·ərn/ (adj)	: hiện đại
- pagoda /pə'gɔʊ·də/ (n)	: ngôi chùa
- palace /'pæl·əs/ (n)	: cung điện, dinh, phủ
- peaceful /'piːs·fəl/ (adj)	: yên tĩnh, bình lặng
- polluted /pə'lut/ (adj)	: ô nhiễm
- suburb /'sʌb·zɜːb/ (n)	: khu vực ngoại ô
- temple /'tem·pəl/ (n)	: đền, điện, miếu
- terrible /'ter·ə·bəl/ (adj)	: tồi tệ
- workshop /'wɜːk·ʃɑːp/ (n)	: phân xưởng (sản xuất, sửa chữa...)

A. GETTING STARTED

1. Listen and read.

2. Find in the conversation the sentences used to make suggestions.

1. Let's go to Chua Cau.
2. Shall we go there first?
3. First, cross the road, and then turn left.
4. Fine, let's go.
5. Let's ask her.

3. Read the conversation again. Put the actions in order.

1.b 2.c 3.d 4.e 5.a

4. Find and underline the following directions in the conversation.

1. B 2. A 3. E 4.C 5. D

5. GAME- Find Places

B. A CLOSER LOOK 1

1. Match the places below with the pictures. Then listen, check and repeat the words.

1. c 2. e 3. d 4. a 5. b

2. Work in pairs. Ask and answer questions about where you live.

A: Is there a square in your neighbourhood?

B: Yes, there is. / No, there isn't.

3. Work in groups. Ask and answer about your neighbourhood. You can use the adjectives below.

A: Is your neighbourhood quiet?

B: Yes, it is. / No, it's noisy.

4. Listen and repeat the words. Pay attention to the sounds /ɪ/ and /i:/.

/ɪ/: noisy, expensive, exciting, friendly

/i:/: convenient, cheap, peaceful, clean

5. Listen and practice the chant. Notice the sounds /I/ and /i:/.

C. A CLOSER LOOK 2

* **COMPARATIVE WITH ADJECTIVES** (So sánh với tính từ)

1. Form

Short adjective: S1 + be + adj. (er) + than + S2

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 6 - TUẦN 9

Long adjective: S1 + be + more + adj. + than + S2

Example: This book is smaller than that book.

This book is more expensive than that book.

2. Usage: We can use comparative adjectives to compare two people or things. (*So sánh hơn của tính từ dùng để so sánh 2 người hoặc vật*)

1. Complete the following sentences with the comparative form of adjective.

2. noisier 3. bigger 4. more peaceful 5. more exciting

2. Use the correct form of the words in brackets to complete the letter.

2. smaller. 3. older 4. wider 5. more delicious 6. cheaper

3. Look at the pictures of the two neighbourhoods : Binh Minh and Long Son .

Compare two neighbourhoods using the adjectives.

Example: Binh Minh is noisier than Long Son.

4. Work in pairs. Ask and answer questions about Binh Minh and Long Son neighbourhoods using pictures in 3.

A: Is Binh Minh noisier than Long Son?

B: Yes, it is.

A: Is Long Son more modern than Binh Minh?

B: No, it isn't.

* HOMEWORK

- Learn Vocabulary & Grammar by heart.

- Do the exercises in your Workbook.

- Prepare the next lesson.



4. MÔN VẬT LÝ 6 – TUẦN 9

ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 1

LUYỆN TẬP+ VẬN DỤNG

Câu 1. Có hai nhiệt kế là nhiệt kế rượu và nhiệt kế thủy ngân. Cho biết nhiệt độ sôi của rượu và thủy ngân lần lượt là 78 °C và 357 °C, Dùng nhiệt kế nào có thể đo được nhiệt độ của nước đang sôi?

1. Dùng được cả hai nhiệt kế.
2. Không dùng được cả hai nhiệt kế.
3. Chỉ dùng được nhiệt kế rượu.
4. Chỉ dùng được nhiệt kế thủy ngân.

Câu 2. Hãy lập bảng theo mẫu sau và chọn thước đo phù hợp nhất với các đối tượng cần đo:

Loại thước	Thước kẻ dài	Thước cuộn	Thước dây	Thước kẹp
Đối tượng	30 cm			
Chiều dài lớp học				
Chiều cao của người				
Đường kính ruột bút chì				
Đường kính miệng cốc uống nước				

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 6 - TUẦN 9

Câu 3 : Có một cái cân đồng hồ đã cũ và không còn chính xác, làm thế nào có thể cân chính xác khối lượng của một vật nếu cho phép dùng thêm một hộp chứa nhiều loại quả cân khác nhau?

Câu 4 : Để thực hiện đo thời gian khi đi từ cổng trường vào lớp học em dùng loại đồng hồ nào? Giải thích sự lựa chọn và trình bày các bước đo.

Câu 4 : Thực hiện đo thời gian đi từ cổng trường vào lớp học nên dùng đồng hồ bấm giây vì thời gian di chuyển của ta trong hoạt động đó là ngắn. Các bước đo:

- Ước lượng khoảng thời gian cần đo.
- Chọn đồng hồ phù hợp: Đồng hồ bấm giây
- Hiệu chỉnh đồng hồ đúng cách.
- Thực hiện phép đo.
- Đọc và ghi kết quả mỗi lần đo.

5. MÔN HÓA HỌC 6 – TUẦN 9

Bài 8: SỰ ĐA DẠNG VÀ CÁC THỂ CƠ BẢN CỦA CHẤT. TÍNH CHẤT CỦA CHẤT(tt)

I/ Sự đa dạng của chất:

II/ Các thể cơ bản của chất:

III/ Tính chất của chất:

IV/ Sự chuyển thể của chất: Mỗi chất (hay vật thể) có một thể nhất định, khi điều kiện thay đổi thì thể của chất (hay vật thể) có thể bị biến đổi. Thí dụ: Nước ở thể lỏng nhưng ở 100°C thì chuyển thành thể hơi và 0°C thì chuyển thành thể rắn.

1- Sự nóng chảy:

- Sự nóng chảy là quá trình chuyển từ thể rắn sang lỏng .
- **Thí dụ:** Kem tan chảy khi đưa ra ngoài tủ lạnh.

2- Sự ngưng tụ:

- Sự ngưng tụ là quá trình chuyển từ thể hơi sang thể lỏng.
- **Thí dụ:** Sau khi tắm bằng nước ấm hơi nước ngưng tụ ở thành cửa.

3- Sự hóa hơi:

- Sự hóa hơi là quá trình chuyển từ thể lỏng sang thể hơi.
+ **Thí dụ:** Mở nút chai rượu ta cảm nhận được mùi thơm của rượu.
- Sự sôi là sự hóa hơi ngay trong lòng của chất lỏng.
+ **Thí nghiệm:** Đun nước nóng đến một nhiệt độ nhất định ta thấy có xuất hiện những bọt khí nổi lên từ trong lòng của chất lỏng, ta nói nước sôi.

4- Sự đông đặc:

- **Thí nghiệm:** Cho nến vào bát sứ, rồi đun lên: ta thấy nến chảy lỏng. Tắt đèn còn không đun nữa, ta lại thấy nến đông đặc. Quá trình từ thể lỏng chuyển thành thể rắn là sự đông đặc.
- Sự đông đặc là sự chuyển từ thể lỏng sang thể rắn của chất .

6. MÔN SINH HỌC 6 – TUẦN 9 **ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

A. Nội dung bài học:

ĐỀ - ĐÁP ÁN ÔN TẬP SINH 6

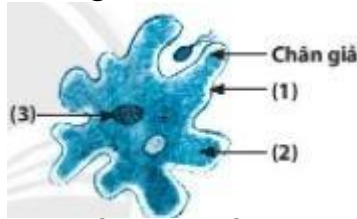
Câu 1: Trong cơ thể sinh vật, ba tế bào bắt đầu quá trình sinh sản để tạo nên các tế bào mới, nếu những tế bào này thực hiện ba lần sinh sản liên tiếp thì sẽ tạo ra được bao nhiêu tế bào con?

Câu 2:

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 6 - TUẦN 9

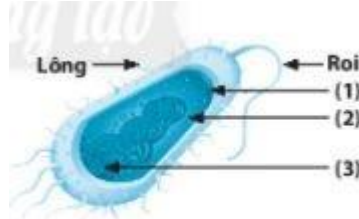
So sánh đặc điểm hình dạng, cấu tạo tế bào biểu bì vảy hành với tế bào biểu bì da ếch.

Câu 3: Quan sát hình ảnh bên về trùng biến hình.



- Hoàn thành cấu trúc tế bào trùng biến hình bằng cách gọi tên các số (1), (2), (3).
- Cơ thể trùng biến hình được cấu tạo từ bao nhiêu tế bào?
- Trùng biến hình thuộc nhóm tế bào động vật hay tế bào thực vật? Giải thích.
- Dự đoán chân giả của tế bào trùng biến hình dùng để làm gì.

Câu 4: Quan sát hình ảnh bên về vi khuẩn,



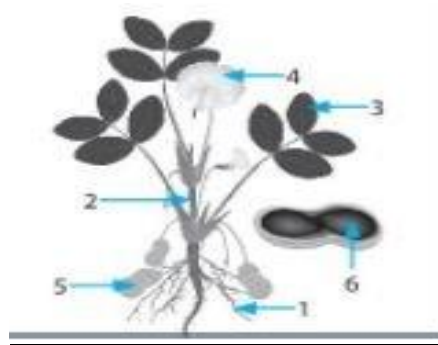
- Hoàn thành cấu trúc tế bào vi khuẩn bằng cách gọi tên các số (1), (2), (3).
- Tế bào vi khuẩn thuộc nhóm tế bào nhân sơ hay tế bào nhân thực? Giải thích.
- Dự đoán lông và roi trong cấu trúc tế bào vi khuẩn dùng để làm gì.
- So sánh cấu trúc tế bào trùng biến hình và tế bào vi khuẩn.

Câu 5: Hãy hoàn thành các yêu cầu sau:

- Nêu hai đặc điểm khi nói về cơ thể đơn bào.
- Nêu hai đặc điểm khi nói về cơ thể đa bào.
- Nêu điểm giống nhau giữa cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào.

Câu 6: Cho hình ảnh cây lạc.

- Kể tên các cơ quan của cây lạc.
- Xác định các hệ cơ quan của cây lạc.
- Theo em, gọi củ lạc là đúng hay sai? Giải thích.



Câu 7: Hãy viết câu trả lời tương ứng với các yêu cầu sau:

- Có ý kiến cho rằng: “Tất cả các sinh vật đều là cơ thể đa bào? Theo em, ý kiến này đúng hay sai? Giải thích.
- Em hãy tìm hiểu về hệ thống bài tiết trong cơ thể người và lấy ví dụ về tế bào, mô, các cơ quan tương ứng tạo nên hệ cơ quan này.
- Hãy nêu 5 đặc trưng cơ bản của một cơ thể sống.

Câu 8: Một số loài thực vật có các biến dạng ở rễ, thân, lá giúp chúng thực hiện được các chức năng phù hợp với điều kiện môi trường. Hãy lấy ví dụ về một số biến dạng ở thực vật mà em biết.

ĐÁP ÁN

Câu 1: 1 tế bào sinh sản 3 lần sẽ tạo ra $2^3 = 8$ tế bào con.

3 tế bào sinh sản sẽ tạo ra $3 \cdot 8 = 24$ tế bào con

Câu 2:

+/ Giống nhau: Đều có các thành phần của một tế bào: màng tế bào, chất tế bào, nhân.

+/ Khác nhau:

Tế bào biểu bì vảy hành	Tế bào da ếch
- Hình dạng tế bào: hình đa giác.	- Hình dạng tế bào: hình cầu.
- Nhân tế bào nằm lệch một bên.	- Nhân tế bào nằm ở giữa.

Câu 3:

a) (1) Màng tế bào, (2) Chất tế bào, (3) Nhân tế bào.

b) Một tế bào,

c) Trùng biến hình thuộc nhóm tế bào động vật. => Tế bào trùng biến hình lông chừa bào quan lục lập trong chất tế bào.

d) Chân giả trong cấu trúc tế bào trùng biến hình giúp chúng có khả năng di chuyển và lấy thức ăn.

Câu 4:

a) (1) Màng tế bào, (2) Chất tế bào, (3) Vùng nhân.

b) Tế bào vi khuẩn thuộc nhóm tế bào nhân sơ. => Tế bào vi khuẩn chưa có màng nhân bao bọc khối vật chất di truyền.

c) Thành phần roi và lông trong cấu trúc tế bào vi khuẩn giúp chúng có khả năng di chuyển.

d) So sánh trùng biến hình và vi khuẩn:

- Giống nhau: đều được cấu tạo từ một tế bào.

- Khác nhau: trùng biến hình thuộc nhóm tế bào nhân thực, còn vi khuẩn thuộc nhóm tế bào nhân sơ.

Câu 5:

a) Hai đặc điểm khi nói về cơ thể đơn bào:

- Cơ thể được cấu tạo từ một tế bào
- Tế bào có thể là tế bào nhân sơ hoặc tế bào nhân thực.

b) Hai đặc điểm khi nói về cơ thể đa bào:

- Cơ thể được cấu tạo từ nhiều tế bào;
- Tế bào nhân thực.

c) Điểm giống nhau giữa cơ thể đơn bào và đa bào:

- Đều là vật sống,
- Đơn vị cấu tạo nên cơ thể đều là tế bào gồm ba thành phần chính: màng tế bào, chất tế bào và vật chất di truyền (nhân tế bào hoặc vùng nhân)

Câu 6: a) (1) Rễ, (2) Thân, (3) Lá, (4) Hoa, (5) Củ, (6) Hạt.

b) Hệ rễ: rễ;

Hệ chồi: lá, thân, hoa.

c) Gọi “củ lạc” là chưa chính xác, gọi “quả lạc” là đúng.

=> Thực chất “quả lạc” do hoa biến đổi thành nhưng vì nó nằm dưới mặt đất nên dễ nhầm là củ, vì thế “củ lạc” (theo cách gọi dân gian) chính là “quả lạc”.

Câu 7:

a) Ý kiến “Tất cả các sinh vật đều là cơ thể đa bào” là sai.

=> Các sinh vật có thể là đơn bào, khi đó tế bào biệt hoá đa năng, thực hiện đầy đủ các chức năng của một cơ thể sống

VD: trùng biến hình, Trùng giày, ... Các sinh vật cũng có thể là đa bào, được tạo nên từ các cấp độ tổ chức từ tế bào đến cơ thể, ví dụ: con cá, cây thông, ...

b) VD tế bào, mô, cơ quan trong hệ bài tiết:

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 6 - TUẦN 9

- Tế bào: tế bào biểu bì, tế bào cơ, tế bào máu, ...
 - Mô: mô biểu bì, mô cơ, mô liên kết, ...
 - Cơ quan: thận, bàng quang, ống dẫn niệu, ống đái.
- c) 5 đặc trưng cơ bản của một cơ thể sống:

- Lấy các chất cần thiết,
- Lớn lên;
- Sinh sản;
- Vận động.
- Cảm ứng;

Câu 8:

Một số biến dạng thường gặp:

- Biến dạng của lá: cây xương rồng (lá-> gai) cây mướp (lá -> tua cuốn) cây đong ta (lá -> vảy); củ hành tím (bẹ lá cuộn thành củ hành); cây nắp ấm (lá -> cơ quan bắt mồi);
- Biến dạng của thân: cây khoai tây, cây sự hào (thân -> củ: cây gừng thân -> rễ):
- Biến dạng của rễ: cây cà rốt, cây khoai lang, cây sắn (rễ -> củ) cây trầu không (rễ — móc bám), cây đước, cây bần (rễ nhô lên khỏi mặt đất -> rễ thở); cây đa, cây tơ hồng (rễ — giác mút).

B. Luyện tập:

- Xem bài theo nội dung ghi.
- Chuẩn bị tuần 10 thi giữa kì I

7. MÔN LỊCH SỬ 6 – TUẦN 9

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP

Câu 1. Trình bày những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Ai Cập cổ đại? Theo em trong các thành tựu văn hóa tiêu biểu Ai Cập cổ đại, thành tựu nào còn được sử dụng và có giá trị đến ngày nay?

Câu 2. Tại sao gọi là bầy người nguyên thủy?

Câu 3. Em hãy trình bày quá trình tiến hóa của loài người.

Câu 4. Theo em lao động có vai trò như thế nào đối với bản thân, gia đình và xã hội ngày nay?

Câu 5. Em hãy kể tên một số vật dụng bằng kim loại mà con người ngày nay vẫn còn thừa hưởng từ những phát minh của người nguyên thủy.

BÀI 9: TRUNG QUỐC TỪ THỜI CỔ ĐẠI ĐẾN THẾ KỈ VII

III. Từ nhà Hán, Nam – Bắc Triều đến nhà Tùy

-Từ sau thời nhà Tần, xã hội Trung Quốc thời kì này gắn liền với những triều đại: Hán, Tam quốc, Tần, Nam - bắc triều, Tùy.

+ Triều đại kéo dài nhiều nhất: nhà Hán.

+ Triều đại tồn tại ngắn nhất: nhà Tùy.

-Nhà Tùy tái thống nhất đất nước và đặt cơ sở để TQ bước vào tời kỳ đỉnh cao của chế độ phong kiến

.....

Tiết 9:

ÔN TẬP

I. Lí thuyết

- Kinh tuyến: Là đường nối liền 2 điểm cực Bắc với cực Nam trên bề mặt Trái Đất
- Vĩ tuyến: Là những đường vuông góc với đường kinh tuyến và song song với đường xích đạo
- Bản đồ là hình vẽ thu nhỏ trên mặt giấy tương đối chính xác vì một khu vực hay toàn bộ bề mặt trái đất
- Tỉ lệ bản đồ: Là tỉ số khoảng cách trên bản đồ so với khoảng cách tương ứng trên thực tế
- Tỉ lệ bản đồ chỉ rõ mức độ thu nhỏ của khoảng cách được vẽ trên bản đồ so với thực tế trên mặt đất.
- Cách xác định phương hướng trên bản đồ dựa vào kinh, vĩ tuyến.
 - + Đầu trên của kinh tuyến là hướng Bắc.
 - + Đầu dưới là hướng nam.
 - + Bên phải là hướng Đông.
 - + Bên trái là hướng tây.
- Các hướng chính trên bản đồ (vẽ hình)
- Bảng chú giải giúp chúng ta hiểu nội dung và ý nghĩa của kí hiệu trên bản đồ.
- Các đối tượng địa lí trên bản đồ được thể hiện bằng 3 loại:
 - + Kí hiệu điểm.
 - + Kí hiệu đường.
 - + Kí hiệu diện tích.
- Trên quả địa cầu nếu cứ 10° ta vẽ 1 kinh tuyến thì có tất cả bao nhiêu kinh tuyến? nếu cứ 10° ta vẽ 1 vĩ tuyến thì có tất cả bao nhiêu vĩ tuyến Bắc và bao nhiêu vĩ tuyến Nam?
 - + Nếu cứ 10° ta vẽ 1 kinh tuyến thì có tất cả là 36 kinh tuyến.
 - + Nếu cứ 10° ta vẽ 1 vĩ tuyến thì:
 - + Nửa cầu Bắc có 9 vĩ tuyến Bắc.
 - + Nửa cầu Nam có 9 vĩ tuyến Nam.

II. Bài tập

1. Tính tỉ lệ bản đồ

- a) Trên bản đồ có tỉ lệ 1:7.000.000 bạn Nam đo được khoảng cách giữa hai thành phố A và B là 6 cm. Hỏi trên thực tế hai thành phố này cách nhau bao nhiêu km ?
- b) Trên bản đồ có tỉ lệ 1 : 300.000, người ta đo được 5 cm. Hỏi thực tế khoảng cách đó là bao nhiêu km?
- c) Trên bản đồ Việt Nam bạn Nhi đo được khoảng cách giữa hai thành phố Hà Nội và Hải Phòng là 15 cm. Thực tế khoảng cách hai thành phố này là 105.000 m Hỏi bản đồ có tỉ lệ bao nhiêu ?

Hướng dẫn giải:

- Khoảng cách bản đồ x tỉ lệ bản đồ = Khoảng cách thực tế
- Khoảng cách thực tế : Khoảng cách bản đồ = Tỉ lệ bản đồ.

a) Khoảng cách của hai thành phố trên thực tế là:

$$6 \times 7.000.000 = 42000000 \text{ cm} \\ = 420 \text{ km}$$

b) Tương tự : Khoảng cách thực tế : 15 km

$$\text{c) Hà Nội - Hải Phòng} = 105.000\text{m} = 10.500.000\text{cm} \\ 10.500.000 \text{ cm} : 15 = 700.000$$

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 6 - TUẦN 9

- Vậy tỉ lệ bản đồ là 1:700000

2. Trắc nghiệm

Câu 1 : Nếu mỗi kinh tuyến cách nhau 10^0 thì trên bề mặt quả Địa Cầu có:

- A. 36 kinh tuyến. B. 360 kinh tuyến.
C. 306 kinh tuyến. D. 3600 kinh tuyến.

Câu 2: Đường nối liền hai điểm cực Bắc và cực Nam trên bề mặt quả Địa Cầu gọi là

- A. Vĩ tuyến. B. Kinh tuyến.
C. Xích đạo. D. Vĩ tuyến 0^0

Câu 3 : Kinh tuyến đi qua đài thiên văn Grin- uýt ở ngoại ô thành phố Luân Đôn nước Anh được gọi là:

- A. Kinh tuyến gốc B. Kinh tuyến đông.
C. Kinh tuyến tây. D. Kinh tuyến đổi ngày

Câu 4: Trên quả địa cầu kinh tuyến đối diện với kinh tuyến gốc là kinh tuyến

- A. 180^0 B. 360^0 C. 0^0 D. 90^0

Câu 5: Các vòng tròn trên bề mặt quả địa cầu vuông góc với kinh tuyến được gọi là

- A. Các vĩ tuyến bắc. B. Các vĩ tuyến.
C. Các vĩ tuyến gốc. D. Các vĩ tuyến nam

Câu 6: Trên quả địa cầu, cứ cách 1 độ ta vẽ 1 vĩ tuyến thì có tất cả

- A. 360 vĩ tuyến. B. 36 vĩ tuyến.

Câu 7: Trên quả Địa Cầu cứ cách 1 độ ta vẽ 1 vĩ tuyến thì có tất cả

- A. 360 vĩ tuyến. B. 36 vĩ tuyến.
C. 18 vĩ tuyến D. 181 vĩ tuyến

Câu 8: Bản đồ có tỷ lệ 1:100.000. Vậy 5 cm trên bản đồ tương ứng với thực địa là

- A. 1 Km. B. 5 Km.
C. 10 Km. D. 15 Km.

Câu 9: Nếu mỗi kinh tuyến cách nhau 10^0 thì trên bề mặt quả Địa Cầu có

- A. 36 kinh tuyến B. 306 kinh tuyến.
C. 360 kinh tuyến. D. 3600 kinh tuyến.

Câu 10: Bản đồ có tỷ lệ 1:7500 có nghĩa là bản đồ đã thu nhỏ so với thực địa

- A. 75 lần. B. 750 lần.
C. 7500 lần. D. 17500 lần.

3. Hướng dẫn về nhà

- Ôn tập toàn bộ kiến thức cơ bản từ bài 1 đến bài 5. Trả lời các câu hỏi bài tập trong sgk cuối mỗi bài học.

- Tính tỉ lệ bản đồ

- Tiết sau kiểm tra 1 tiết

9. MÔN CÔNG NGHỆ 6 – TUẦN 9

ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KỲ I

Các em về soạn và học thuộc các câu hỏi dưới đây để kiểm tra giữa học kì I

Câu 1: Hãy trình bày vai trò của nhà ở.

Câu 2: Mô tả dưới đây thuộc đặc điểm nào của ngôi nhà thông minh?

- a, Khi nằm vào giường ngủ, sau 15 phút đèn sẽ giảm ánh sáng.
b, Màn hình chuông cửa cho biết có khách đang đứng đợi ở cửa ra vào.
c, Hệ thống âm thanh tự động giảm độ lớn khi đêm về khuya.
d, Tự động phun nước tại nơi cần chữa cháy.

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 6 - TUẦN 9

Câu 3: Chọn các cụm từ: “làm móng, xây tường, làm mái, thiết kế, xây dựng phần thô, lắp hệ thống điện nước, hoàn thiện” để hoàn thành các bước xây dựng nhà ở cho phù hợp với sơ đồ dưới đây:



Câu 4. Xem nội dung SGK từ Bài 1 đến Bài 4 để làm trắc nghiệm.

10. MÔN GD&ĐT 6 – TUẦN 9

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I CÔNG DÂN 6 NĂM HỌC : 2021- 2022

Câu 1. Ý nghĩa của việc giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình và dòng họ?

Câu 2. Em hãy nêu một số biểu hiện trái với yêu thương con người?

Câu 3 . An có thói quen ngồi vào bàn học bài lúc 7 giờ tối, mỗi môn học An đều học bài và làm bài đầy đủ. Nhưng để có được việc làm bài đầy đủ ấy thì khi gặp bài khó, bạn thường ngại suy nghĩ và giờ sách giải bài tập ra chép cho nhanh. Một lần sang nhà bạn học nhóm, các bạn rất ngỡ ngàng khi thấy An làm bài nhanh và rất chính xác, các bạn xúm lại hỏi An cách giải thì bạn trả lời: “À, khó quá, nghĩ mãi không được nên tớ chép ở sách giải bài tập cho nhanh. Các cậu cũng lầy mà chép, khỏi mất công suy nghĩ”.

Câu hỏi : Nếu em là bạn thân của An, em sẽ khuyên bạn như thế nào ?

Câu 4. Siêng năng, kiên trì có ý nghĩa như thế nào trong cuộc sống? Em cần làm gì để thể hiện tính siêng năng, kiên trì học tập và trong cuộc sống?

Câu 5. Nhà trường phát động quyên góp ủng hộ đồng bào bị lũ lụt. Ở lớp Linh, các bạn ủng hộ tiền và rất nhiều quần áo. Do gia đình gặp khó khăn nên Linh chỉ đóng được một ít sách giáo khoa cũ. Một số bạn phê bình làm ảnh hưởng đến thành tích của lớp và cho rằng Linh không biết yêu thương giúp đỡ người khác.

a. Theo em, một số bạn phê bình như vậy có đúng không? Vì sao?

b. Nếu là thành viên trong lớp của Linh, em sẽ tham gia hoạt động này như thế nào?

11. MÔN TIN HỌC 6 – TUẦN 9

ÔN TẬP

Nội Dung

BÀI 1: THÔNG TIN VÀ DỮ LIỆU

Câu 1. Phân biệt sự khác nhau giữa thông tin, dữ liệu và vật mang thông tin? Cho ví dụ minh họa?

BÀI 2: XỬ LÝ THÔNG TIN

Câu 2: Thứ tự các hoạt động của quá trình xử lý thông tin bao gồm những gì?

BÀI 3: THÔNG TIN TRONG MÁY TÍNH

Câu 3: Dây bit là gì? Theo em, tại sao thông tin trong máy tính được biểu diễn thành dãy bit?

BÀI 4: MẠNG MÁY TÍNH

Câu 4 : Mạng máy tính là gì? Hãy nêu các thành phần chính của mạng máy tính.

BÀI 5: INTERNET

Câu 5 : Internet là gì ? Em hãy giải thích tại sao Internet lại sử dụng rộng rãi và ngày càng phát triển?

(Hãy trả lời các câu hỏi và học bài để tuần 10 kiểm tra giữa kỳ 1)

12. MÔN ÂM NHẠC 6 – TUẦN 9

**TIẾT 9: HỌC HÁT BÀI: THẦY CÔ LÀ TẤT CẢ
NGHE NHẠC: NHỚ ƠN THẦY CÔ**

Nội dung bài học

I/ Học hát

Thầy cô là tất cả

Nhạc và lời: Bùi Anh Tú

a. Tìm hiểu nhạc sĩ

Nhạc sĩ Bùi Anh Tú sinh ngày 17-6-1959 tại Sơn Tây, quê quán ở thị xã Thái Bình. Hội viên Hội Nhạc sĩ Việt Nam

b. Nội dung bài hát

-Ca ngợi vẻ đẹp tâm lòng của thầy cô giáo.

-Phấn đấu học tập thật tốt để đền đáp công ơn dạy dỗ của thầy cô góp phần xây dựng đất nước ngày càng giàu mạnh hơn.

II/ Học hát

HS chép lời bài hát vào vở

HS tìm hiểu trước bài hát

13. MÔN MỸ THUẬT 6 – TUẦN 9

Chủ đề 2: Nghệ thuật tiền sử thế giới và Việt Nam

BÀI 1: NHỮNG HÌNH VẼ TRONG HANG ĐỘNG (Tiết 1)

I. Khám phá hình vẽ thời tiền sử:

- Hình mặt người và mặt thú khắc trên đá trong hang Đồng Nội
- Hình vẽ bò tót trong hang Altamira.
- Hình hươu nai
- Hình bò tót trong hang Combarelles.

II. Cách vẽ mô phỏng theo hình mẫu:

- Mô phỏng hình vẽ trong hang mẫu là một trong những cách tìm hiểu nghệ thuật tạo hình thời tiền sử.

- Các bước vẽ mô phỏng:

- + Xác định bố cục hình vẽ và phác các nét khái quát.
 - + Vẽ, điều chỉnh hình và các chi tiết cho sát với hình mẫu.
- + Vẽ màu.

III. Mô phỏng hình vẽ theo tiền sử:

- Học sinh quan sát và lựa chọn hình vẽ thời tiền sử để mô phỏng
- Học sinh thực hiện bài vẽ mô phỏng theo ý thích.

IV. Trưng bày sản phẩm và chia sẻ:

HS trưng bày sản phẩm, nêu cảm nhận và chia sẻ sản phẩm của mình.

V. Tìm hiểu nghệ thuật của người tiền sử:

Mỹ thuật thời Tiền sử thường được lưu lại trong các hang động. Nội dung phản ánh cuộc sống của người tiền sử nhằm truyền tải thông tin, phục vụ nhu cầu sinh hoạt, tín ngưỡng,...

14. MÔN THỂ DỤC 6 – TUẦN 9

CHỦ ĐỀ 1: CHẠY CỰ LI NGẮN (60m)

BÀI 4: CHẠY VỀ ĐÍCH

NỘI DUNG:

Hoạt động 2: Phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn

Hoạt động 3: Một số điều luật trong thi đấu các môn chạy

NỘI DUNG BÀI HỌC

1. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:

Hoạt động 2: Phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn

- GV Cho HS phối hợp bốn giai đoạn của chạy cự li ngắn trên các cự li 40 m, 50 m, 60 m với tốc độ gần tối đa và tối đa.

Hoạt động 3: Một số điều luật trong thi đấu các môn chạy

- GV sử dụng hình ảnh trực quan, động tác mẫu giới thiệu cấu trúc, yêu cầu và chú ý một số điều luật trong khi đấu các môn chạy.

2. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:

2.1 Phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn

- Thực hiện chạy cự li ngắn : 40m, 50m, 60m.

2.2 Một số điều luật trong thi đấu các môn chạy

- Đích là một vạch màu trắng rộng 5 cm, được kẻ vuông góc với đường chạy.

- Vận động viên được coi là đã về đích khi thân người của họ (trừ đầu, cổ, tay, chân, bàn tay, bàn chân) chạm tới mặt phẳng thẳng đứng của vạch đích.

3. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, tuần 10 tiết 19 kiểm tra chạy nhanh .

CHỦ ĐỀ 3: CHẠY CỰ LI TRUNG BÌNH

KIỂM TRA CHẠY CỰ LY TRUNG BÌNH

NỘI DUNG:

Kiểm tra lý thuyết : Các nội dung đã học trong chạy cự ly trung bình

KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi Chú
- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Gắn với thực tế - Tạo cơ hội thực hành cho người học	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	